



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Môn thi
Lớp học
Ngày thi

Học kỳ
Phòng

HK1 (2025 - 2026)

Lớp học phân
Số TC
Niên học

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Lớp Hp	Môn thi	Ngày thi	Tiết thi	Phòng thi
1	20081631	Trịnh Quốc	Toán	420300306702	Tiếng anh 1	26/12/2025	4-6	A1.03
2	19526641	Nguyễn Thị Xuân	Hà	420300242106	Tiếng Anh 2	26/12/2025	4-6	A1.03
3	19473681	Huỳnh Thanh	Sang	420300242106	Tiếng Anh 2	26/12/2025	4-6	A1.03
4	20101741	Trịnh Đình	Quân	420300242105	Tiếng Anh 2	26/12/2025	4-6	A1.03
5	19504821	Nguyễn Sơn	Huy	420300242105	Tiếng Anh 2	26/12/2025	4-6	A1.03
6	19512831	Đỗ Trần Hoài	Nam	420300242105	Tiếng Anh 2	26/12/2025	4-6	A1.03
7		Tả Hữu	Danh	420300242102	Tiếng Anh 2	26/12/2025	4-6	A1.03
8	19443731	Trần Trọng	Trí	420300306702	Tiếng Anh 1	26/12/2025	4-6	A1.03
9	19523641	Nguyễn Thị Thu	Uyên	420300242102	Tiếng Anh 2	26/12/2025	4-6	A1.03
10	19528311	Sơn Minh	Hiếu	420300242102	Tiếng Anh 2	26/12/2025	4-6	A1.03
11	19501621	Phan Quang	Hiếu	420300242106	Tiếng Anh 2	26/12/2025	4-6	A1.03
12	19441471	Diệp Hồng	Luyện	420300242102	Tiếng Anh 2	26/12/2025	4-6	A1.03
13	19475871	Nguyễn Thanh	Duy	420300242102	Tiếng Anh 2	26/12/2025	4-6	A1.03
14	22669821	Nguyễn Lê Thảo	Quỳnh	422001525859	Anh văn 4	26/12/2025	7-9	A4.11
15	22729531	Cao Hồ Ngọc	Linh	422001525859	Anh văn 4	26/12/2025	7-9	A4.11
16	23661611	Phạm Đức	Huy	422001525837	Anh văn 4	26/12/2025	7-9	A4.11
17	23685091	Nguyễn Đăng	Khôi	422001525811	Anh văn 4	26/12/2025	7-9	A4.11
18	23655801	Nguyễn Thanh	Khôi	422001525807	Anh văn 4	26/12/2025	7-9	A4.11
19	2366801	Nguyễn Hoàng	Anh	422001525822	Anh văn 4	26/12/2025	7-9	A4.11
20	21018361	Dương Quốc	Việt	420301525333	Tiếng Anh 1	26/12/2025	10-12	A1.01B
21	21005241	Triệu Phương	Nam	420301525356	Tiếng Anh 1	26/12/2025	10-12	A1.01B
22	23674831	Nguyễn Quốc	Thiên	420301525308	Tiếng Anh 1	26/12/2025	10-12	A1.01B
23	23694341	Bùi Lê Thị Vân	Anh	420301525381	Tiếng Anh 1	26/12/2025	10-12	A1.01B
24	23732011	Bùi Phúc	Quyên	420301525360	Tiếng Anh 1	26/12/2025	10-12	A1.01B
25	23668981	Nguyễn Văn	Kha	420301525324	Tiếng Anh 1	26/12/2025	10-12	A1.01B
26	23685331	Đỗ Khánh	Thiệt	420301525304	Tiếng Anh 1	26/12/2025	10-12	A1.01B
27	21038901	Lê Văn	Trường	420301525327	Tiếng Anh 1	26/12/2025	10-12	A1.01B
28	22661021	Bùi Ngọc	Giàu	420301525311	Tiếng Anh 1	26/12/2025	10-12	A1.01B
29	21004491	Lê Thị Ngọc	Châu	422001525704	Anh văn 3	25/12/2025	10-12	A1.01B
30	21050491	Hồ Thị Ngân	Bích	422001525704	Anh văn 3	25/12/2025	10-12	A1.01B
31	22729501	Nguyễn Thị Hương	Giang	422001525703	Anh văn 3	25/12/2025	10-12	A1.01B
32	22692561	Đình Quang	Sơn	420301525434	Tiếng Anh 2	25/12/2025	10-12	A1.01B
33	23724871	Nguyễn Thị Hiền	Thục	420301525455	Tiếng Anh 2	25/12/2025	10-12	A1.01B
34	21040831	Diệp Thị Trương	Duyên	420301525443	Tiếng Anh 2	25/12/2025	10-12	A1.01B

Tổng số

ố sinh viên có mặt
sinh viên vắng mặt

Số bài thi
Số tờ giấy thi .

Giám thị 1

(Họ tên và chữ ký)

Giám thị 2

(Họ tên và chữ ký)

Giám thị 3

(Họ tên và chữ ký)

Ngày nộp / /

Giáo vụ

(Họ tên và chữ ký)

Trưởng khoa

(Họ tên và chữ ký)

Thi bô sung
04
2025 - 2026

[illegible]

• • • •

• • • • •